

Bản án số: **11/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 07 tháng 5 năm 2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quốc Quy

2. Ông Hứa Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình về Ly hôn, nuôi con chung” thụ lý số 39/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ngọc N, địa chỉ: ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn S, địa chỉ: ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Nguyễn Văn S kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 20 tháng 4 năm 2014. Vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Trần Quốc A sinh ngày 28/7/2014 và Nguyễn Trần Bảo T sinh ngày 23/7/2016. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn gây mất hạnh phúc gia đình, thậm chí còn có đánh nhau; vợ chồng đã và đang sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay; trong thời gian vợ chồng ly thân không còn sống chung, cháu A theo mẹ ở với bà N (bên ngoại), còn cháu T thì theo cha ở với ông S (bên nội). Nay bà N xin ly hôn ông S; về con chung, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 cháu A và T, trong đơn khởi kiện ban đầu thì bà N có yêu cầu cấp dưỡng nhưng

tại phiên tòa bà N không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông S thừa nhận phần trình bày của bà N về thời điểm cưới nhau, đăng ký kết hôn, con chung của hai người là đúng; ông S cho biết từ khi vợ chồng cưới nhau năm 2014 sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bà N ít quan tâm đến gia đình, không quan tâm chồng con, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nên đã chia tay nhau và đang sống ly thân. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà N thì ông S cho biết: Về hôn nhân, ông đồng ý ly hôn bà N; về con chung, hiện tại cháu Nguyễn Trần Bảo T sinh ngày 23/7/2016 đang sống với ông S, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu bà N cấp dưỡng, đối với cháu Nguyễn Trần Quốc A sinh ngày 28/7/2014 đang sống với bà N nếu bà N không nuôi thì ông S nhận nuôi và cũng không yêu cầu bà N cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu T cho ông S trực tiếp nuôi và giao cháu A cho bà N trực tiếp nuôi, các bên không phải cấp dưỡng qua lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông S xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà N nhận thấy vợ chồng không cùng chung quan điểm, thường xuyên gây gổ đánh nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên bà N yêu cầu ly hôn ông S. Về phía ông S, ông cũng đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn; trên thực tế, bà N và ông S đang sống ly thân đã hơn 01 năm nay. Khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết, Tòa án cũng đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, bằng việc tiến hành các phiên hòa giải, dành thời gian hợp lý để ông S, bà N có cơ hội hàn gắn, nhưng cả bà N và ông S đều chấp nhận việc ly hôn; mặt khác, Tòa án đã xác minh trực tiếp gặp người thân là cha của ông S thì được biết giữa bà N và ông S khó có thể hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà N kiên quyết xin ly hôn, không muốn quay lại cuộc sống vợ chồng với ông S nữa, do đó mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2] Về con chung: Bà N và ông S có 02 con chung là cháu T sinh năm 2016 đang ở với ông S và cháu A sinh năm 2014 đang ở với bà N kể từ khi ông bà sống ly thân nhau đến nay. Bà N thì giành quyền nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu ông S

cấp dưỡng; ông S thì giành quyền nuôi cháu T và không yêu cầu bà N cấp dưỡng. Xét thấy:

- Đối với cháu T sinh ngày 23/7/2016, tính đến thời điểm hiện tại thì cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định của pháp luật thì con dưới 36 tháng tuổi giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy việc ông S và bà N đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành; thì nhận thấy rằng, yêu cầu của ông S hay của bà N đều có chung một mục đích, đó là đều muốn chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T nên người, trở thành người có ích cho xã hội, nên việc giao cháu T cho ông S hay bà N nuôi dưỡng về tình đều hợp lý, vì cả ông S và bà N chưa có bên nào vi phạm nghĩa vụ nuôi con đối với cháu T. Tuy nhiên, từ khi cháu T sinh ra thì ở chung với cha mẹ, khi cha mẹ sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay thì cháu T ở chung với cha (bên nội) được chăm sóc, dạy dỗ tốt; nếu như giao cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ làm thay đổi cũng như xáo trộn môi trường mà cháu đã sống ổn định và đang phát triển tốt từ trước đến nay; mặt khác về điều kiện kinh tế của ông S thì cũng tương đối ổn định, đủ điều kiện để ông S nuôi cháu T đến tuổi trưởng thành, ông S cũng không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Từ phân tích trên, thấy rằng cần phải giao cháu T cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Đối với cháu A, từ trước đến nay và kể từ khi cha mẹ sống ly thân đến nay thì cháu được ở với mẹ và đi học ổn định, do đó để không thay đổi môi trường sinh hoạt bình thường trong cuộc sống và việc học hành của cháu A, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu A cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về vấn đề cấp dưỡng, bà N và ông S mỗi người được quyền trực tiếp nuôi 01 cháu và không ai đưa ra yêu cầu cấp dưỡng nên được coi là sự tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử không buộc các bên phải thực hiện việc cấp dưỡng qua lại.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 147; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn ông Nguyễn Văn S.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Trần Bảo T sinh ngày 23/7/2016 cho ông S để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; giao cháu Nguyễn Trần Quốc A sinh ngày 28/7/2014 cho bà N để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông S và bà N không phải cấp dưỡng nuôi con đối với người con mà mình không trực tiếp nuôi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N và ông S, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006468, ngày 12/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu